

BIỂU MẪU CÔNG KHAI VỀ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Công văn số 551/SGDDĐT-TTr ngày 17/3/2022 của Sở GDĐT)

Biểu mẫu 6.1

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG MẦM NON THÀNH TÔ
Số: 33/QĐ-TMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành Tô, ngày 05 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi quý III năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON THÀNH TÔ

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân quận Hải An về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND quận Hải An về việc giao dự toán thu - chi ngân sách năm 2022 cho các phòng, đơn vị, trường học và Ủy ban nhân dân các phường;

Căn cứ vào hướng dẫn số 551/SGDDĐT-TTr ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục về việc Hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục;

Căn cứ vào hướng dẫn số 46/PGD&ĐT ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Phòng Giáo dục về việc Hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục;

Căn cứ vào đề nghị của Kế toán trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi quý III năm 2022 của đơn vị trường mầm non Thành Tô (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ Văn phòng, kế toán các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (đề t/h);
- Lưu hồ sơ, văn thư.

HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Kim Hương

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ -TMN ngày 05/10/2022 của Hiệu trưởng trường MN Thành Tô)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Q3	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí (nếu có)				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		25,4		
1.2	Mức thu				
1.3	Tổng số thu trong năm		114,2		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		68,4		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾				
1.6	Số chi trong năm	467,6	4,9	1,0	1,0
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	160,8	0		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	141,1	0		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	100	0		
	- Chi khác	65,7	4,9	7,4	7,4
1.7	Số dư cuối năm		134,8		
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
2.1	Học hè				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		17		
2.1.2	Mức thu		0,75		
2.1.3	Tổng số thu trong năm		207,6		
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		207,6		
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾		207,6		
2.1.6	Số chi trong năm	292,9	199,6	68,1	68,1
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	234,3	166	70,8	70,8
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	33,6	33,6	100	100
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:.....	24,9			
2.1.7	Số dư cuối năm		24,9		
					
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng				

¹ Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Q3	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	công trình, dự án)				
3.1	Vận động tài trợ		28,3		
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		0		
3.1.2	Tổng số thu trong năm	174,3	28,3		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	174,3	0		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾		16,2	16,2	16,2
3.1.5	Số chi trong năm	174,3	100	100	100
	Trong đó: - Cải tạo khu vui chơi đằng sau phòng y tế, bếp	28,3	0		
3.1.6	Số dư cuối năm				
					
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
4.1.	Chăm nuôi bán trú				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		21,9		
4.1.2	Mức thu		0,16		
4.1.3	Tổng số thu trong năm		44,3		
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		66,3		
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾		44,3		
4.1.6	Số chi trong năm	871,2	53,5	6,1	6,1
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	253,4			
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	63,3			
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:.....	554,4	53,5	9,6	9,6
4.1.7	Số dư cuối năm		11,9		
					
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
5.1	Tiếng Anh		0		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		0		
5.1.2	Mức thu		0		
5.1.3	Tổng số thu trong năm		0		
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		0		
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾		0		
5.1.6	Số chi trong năm		0		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....		0		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		0		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....		0		

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Q3	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Chi phúc lợi		0		
	- Chi khác:.....		0		
5.1.7	Số dư cuối năm		0		
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: <i>Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây</i>)				
6.1	Tiền ăn				
6.1.1	Số học sinh		200		
6.1.2	Mức thu		0,025		
6.1.3	Tổng thu		225,5		
6.1.4	Đã chi		225,5		
6.1.5	Dư		0		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi quản lý hành chính				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng anh				

Q.H.A
RUỒN
M NC
NH T
ĐNG

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Q3	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ⁽¹⁾ nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe				
6					
					
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3499,3	879,2	25,1	25,1
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3190	753	23,6	23,6
	Chi thanh toán cá nhân	2429,8	615,6	25,3	25,3
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	121,1	21,1	17,4	17,4
	Chi mua sắm sửa chữa	606,5	104,1	17,1	17,1
	Chi khác	32,4	11,1	34,2	34,2
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	309,3	126,2	40,8	40,8
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác	309,3	126,2	40,8	40,8
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi họ tên)

Thành Tô, ngày 05 tháng 10 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Thành Tô, ngày 05 tháng 10 năm 2022

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai thực hiện dự toán thu, chi quý III năm 2022

I. Thời gian: 8 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 10 năm 2022

II. Địa điểm: Trường mầm non Thành Tô

III. Thành phần:

1. Bà: Bùi Thị Kim Hương - Hiệu trưởng
2. Bà: Lê Thùy Vân - Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn
3. Bà: Nguyễn Thị Khánh Ly - Phó hiệu trưởng
4. Bà: Nguyễn Thị Huyền - Kế toán
5. Bà: Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký
6. Bà: Hoàng Thị Thịnh - Đại diện CMHS trường
7. Bà: Trần Thị Lan - Tổ trưởng
8. Nguyễn Thị Thanh Quỳnh - Tổ trưởng
9. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh - Phó Ban TT nhân dân.

III. Nội dung:

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về công khai thực hiện dự toán thu, chi quý III năm 2022 của trường mầm non Thành Tô (kèm theo biểu 6.3)

2. Thời gian niêm yết: từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/1/2023.

3. Địa điểm công khai: Bảng thông báo của Nhà trường. Trang thông tin điện tử của nhà trường.

4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được giải đáp.

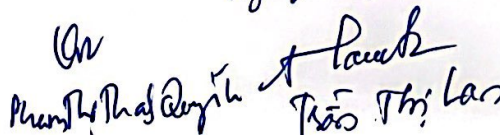
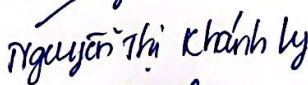
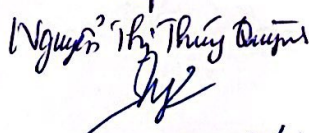
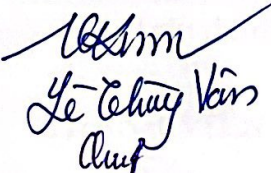
Biên bản được lập xong vào lúc 9 giờ 30 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất kí tên dưới đây.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Sao Mai

THÀNH VIÊN



HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG



Thành Tô, ngày 05 tháng 1 năm 2023

BIÊN BẢN

**Về việc kết thúc niêm yết công khai thực hiện dự toán thu, chi
quý III năm 2022**

I. Thời gian: 8 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 1 năm 2023

II. Địa điểm: Trường mầm non Thành Tô

III. Thành phần:

1. Bà: Bùi Thị Kim Hương - Hiệu trưởng
2. Bà: Lê Thùy Vân - Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn
3. Bà: Nguyễn Thị Khánh Ly - Phó hiệu trưởng
4. Bà: Nguyễn Thị Huyền - Kế toán
5. Bà: Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký
6. Bà: Hoàng Thị Thịnh - Đại diện CMHS trường
7. Bà: Trần Thị Lan - Tổ trưởng
8. Nguyễn Thị Thanh Quỳnh - Tổ trưởng
9. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh - Phó Ban TT nhân dân.

III. Nội dung:

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản kết thúc niêm yết công khai thực hiện dự toán thu, chi quý III năm 2022 của trường mầm non Thành Tô (kèm theo biểu 6.3)

2. Thời gian niêm yết: từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/1/2022.

3. Địa điểm công khai: Bảng thông báo của Nhà trường; Trang Website của nhà trường.

4. Trong quá trình niêm yết công khai nội dung nêu trên nhà trường không nhận được ý kiến thắc mắc của cá nhân tổ chức nào có liên quan đến nội dung công khai phải xử lý theo quy định.

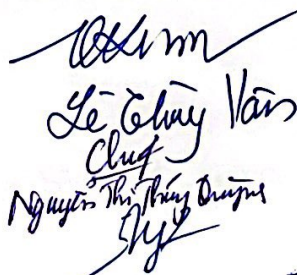
Biên bản được lập xong vào lúc 9 giờ 30 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất kí tên dưới đây.

THƯ KÝ

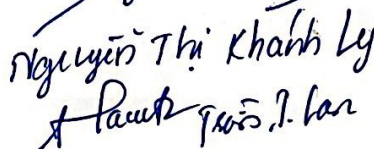


Nguyễn Thị Sao Mai

THÀNH VIÊN



Lê Thùy Vân
Nguyễn Thị Khánh Ly



Trần Thị Lan

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Kim Hương